

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày 31-12-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến;
Bà Trịnh Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 23/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn LS, xã LS1, huyện ML, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Tiêu Quang T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn LBN, xã HM, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Anh Tiêu Quang T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM vào ngày 08/7/2015. Khi mới cưới, anh T1 công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi nên anh T1 ở đơn vị, còn chị T thì ở nhà cha mẹ đẻ ở LS, ML. Cuối tuần thì chị và anh T1 về ở nhà cha mẹ anh T1 ở HM, NH. Chị và anh T1 thường bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên không có tiếng nói chung. Hiện nay đã sống ly thân, chị T và con trai ở nhờ nhà chị gái ở xã TA, ML. Còn anh T1 thì vẫn ở nhà cha mẹ ruột tại thôn LBN, xã HM, huyện NH. Hiện nay chị T đang công tác tại Trường Mầm non Ánh Dương, huyện ML, với mức thu nhập mỗi tháng là 6.500.000 đồng. Giữa chị và anh T1 không thể nào hàn gắn để quay về chung sống vì đã không còn tình cảm và mâu thuẫn trầm trọng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung tên là Tiêu Quang D, sinh ngày 07/7/2015, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Tiêu Quang T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Vì điều kiện công tác nên vợ chồng không thường xuyên sống gần nhau, nhưng vẫn hạnh phúc. Trong cuộc sống chị T còn ham chơi nên ít có thời gian để chăm sóc cho gia đình. Anh và gia đình anh vẫn mong muốn hòa giải để vợ chồng về chung sống vì con còn nhỏ, đang trong giai đoạn phát triển. Anh đã nói chuyện với chị T nhưng chị T cương quyết ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng bỏ qua tất cả để cùng nhau nuôi dạy con. Hiện nay anh đang công tác tại Bộ chỉ huy quân sự huyện ML, mang quân hàm Thượng úy với mức lương mỗi tháng là 13.000.000 đồng.

Về con chung: Đúng như chị T trình bày, hiện nay cháu D đang sống với chị T tại nhà chị gái của chị T ở xã TA, huyện ML. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì chị T thường xuyên đi sớm, về khuya, không có chỗ ở ổn định. Anh không muốn con anh trong giai đoạn phát triển lại

phải ở nơi không đảm bảo điều kiện để phát triển. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Tiêu Quang T1; giao cháu Tiêu Quang D, sinh ngày 07/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi con và giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2009 và ngày 18/11/2019, anh Tiêu Quang T1 có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T; trường hợp chấp nhận cho chị T và anh ly hôn thì yêu cầu giao cho anh trực tiếp nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của anh Tiêu Quang T1 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Trong thời gian sống chung, chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn, anh T1 vẫn đồng ý ly hôn trong trường hợp chị T kiên quyết ly hôn, vì vậy cấp sơ thẩm cho ly hôn là phù hợp.

Anh T1 và chị T tranh chấp nuôi con khi ly hôn, nhưng cháu Tiêu Quang D còn nhỏ, trong thời gian anh T1 và chị T không sống chung thì chị T vẫn nuôi cháu phát triển bình thường. Cấp sơ thẩm giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm; anh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tiêu Quang T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM vào tháng 7 năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01:2015 tại nơi đăng ký là Ủy ban nhân dân xã HM (Bút lục số 09) xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp theo quy định tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần, hiện nay chị T và anh T1 làm

việc cùng địa phương nhưng vẫn không hòa giải được mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Năm 2018 chị T đã gửi đơn ly hôn, được Tòa án động viên nên chị rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị T, anh T1 vẫn không sống chung với nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T1 yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của chị T nhưng vẫn đồng ý ly hôn trong trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm cho chị T và anh T1 ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hiện nay con chung của chị T và anh T1 là cháu Tiêu Quang D còn nhỏ, đang sống cùng với chị T. Chị T chăm sóc cháu D chu đáo và cháu phát triển bình thường. Cấp sơ thẩm giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu D là phù hợp với quy định tại điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Vì vậy, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh T1.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được giữ nguyên. Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Tiêu Quang T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Tiêu Quang T1.
2. Giao con chung là cháu Tiêu Quang D, sinh ngày 07/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi con. Anh Tiêu Quang T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.
3. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004435 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Anh Tiêu Quang T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004482 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Nghĩa Hành;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã HM, huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Mỹ Giang